

Bản án số: 04 /2022/DS-PT

Ngày 12/9/2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Truyền

Các Thẩm phán: 1. Bà Hoàng Thị Thu Hường

2. Bà Đàm Thị Minh Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuý Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện VKSND tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị ChU-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24/8/2022, ngày 12/9/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/TLPT-DS, ngày 30/6/2022 về việc *tranh chấp quyền sử dụng đất*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST, ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố huyện N, tỉnh B bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/QĐ-PT, ngày 01/8/2022 giữa các đương sự:

1. NgU đơn: Bà Lương Thị U, sinh năm 1961 - Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện N, tỉnh B. có mặt

2. Bị đơn: Ông Phùng Văn P, sinh năm 1959 - Địa chỉ: Khu Phố, xã V, huyện N, tỉnh B. có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Di Thị B, sinh năm 1967 - Địa chỉ: Khu Phố, xã V, huyện N, tỉnh B. có mặt

3.2. Anh Phùng Thái Tr, sinh năm 1991 - Địa chỉ: Khu Phố, xã V, huyện N, tỉnh B. có mặt

3.3. Chị Nguyễn Thị P1, sinh năm 1984 - Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện N, tỉnh B. Vắng mặt

3.4. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh B: Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng Lãng - Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh B; Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Cầm - Phó Phòng Tài ngU và Môi trường huyện N. Vắng mặt

3.5. Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh B: Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị P1 - Chủ tịch UBND xã V, huyện N, tỉnh B; Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Hưng - Công chức địa chính xã. Vắng mặt

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Đinh Thị D1, sinh năm 1947 - Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện N, tỉnh B. Vắng mặt

4.2. Bà Lý Thị S, sinh năm 1932 - Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện N, tỉnh B. Vắng mặt

4.3. Ông Hứa Văn C, sinh năm 1968 - Địa chỉ: Khu Phố, xã V, huyện N, tỉnh B. Vắng mặt

4.4. Ông Đồng Anh T, sinh năm 1965, - Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện N, tỉnh B. Vắng mặt

4.5. Ông Khấu Văn Ch, sinh năm 1954 - Địa chỉ: Khu Phố, xã V, huyện N, tỉnh B. vắng mặt.

4.6. Ông Triệu Văn N, sinh năm 1965 - Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện N, tỉnh B. Vắng mặt

4.7. Bà Triệu Thị L, sinh năm 1955 - Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện N, tỉnh B. Vắng mặt

4.8. Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1969 - Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện N, tỉnh B. Vắng mặt

* Người kháng cáo: NgU đơn bà Lương Thị U.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nội D1ng vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ngU đơn bà Lương Thị U trình bày:

Gia đình bà có một khu đất có địa chỉ ở Khu 1, xã V, huyện N, tỉnh B. Khu đất này nguồn gốc là do ông Đồng Phúc Chấn nhượng lại cho chồng bà là ông Đồng Thanh A làm nhà ở từ năm 1991 (ông Đồng Phúc Chấn và ông Đồng Thanh A đều đã chết). Khu đất có tứ cận tiếp giáp cụ thể phía đông giáp Quốc lộ 3 (QL3): 5,5m, phía tây giáp taluy 7,5m, phía nam giáp nhà ông Chấn 2,5m, phía bắc giáp nương nước 23m. Khu đất này được hai bên lập văn bản nhượng đất vào ngày 12/5/1995, giữa ông Đồng Thanh A chồng bà và ông Đồng Phúc Chấn, không có ai chứng kiến, không mời chính quyền địa phương đến tiến hành đo đạc cũng như không làm các thủ tục mua bán theo quy định pháp luật về chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), chỉ đo đạc bằng dây thừng và do ông Chấn tự tính diện tích.

Thửa đất của bà U có các phần phía bắc tiếp giáp với một con nương thẳng từ QL3 vào trong và có một cây xoan to ngang mép nương là chỗ gấp khúc của nương từ trước khi bà được nhượng đất ở. Bên kia nương là đất của nhà ông Phục.

Khoảng năm 2005, nhân lúc gia đình bà đi vắng hơn một tuần thì ông P cho người đào chuyển mương chiếm sang phần đất trước và sau nhà và xây kè ngay. Sau khi phát hiện bị lấn chiếm đất, bà nói chuyện với bà B (vợ ông P) nhưng không được và đã làm đơn ra Ủy ban nhân dân (UBND) xã V nhưng không được giải quyết (bà đặt đơn trên bàn làm việc của cán bộ địa chính xã).

Đến năm 2008 thì nhà bà làm kè mương để ngăn nước không tràn vào đất của bà Lương Thị U

Vì mương nước đã chuyển dòng gấp khúc nhiều đoạn, mương không thẳng như trước nữa nên gây khó khăn cho gia đình bà khi mùa mưa đến do mương gấp khúc nên rác bị tắc, nước chảy không được và tràn vào nhà bà làm ảnh hưởng đến sức khoẻ và cuộc sống của gia đình bà. Mương đã bị chuyển đổi, gấp khúc cho đến năm 2017, gia đình ông P còn đổ bê tông lên trên mương để làm đường đi lại vì thế bà đã có đơn gửi UBND xã V và UBND xã đã cho cán bộ chU môn đến để làm biên bản làm việc, UBND xã V đã có thông báo cho ông P tháo dỡ đường bê tông nhưng ông P không tháo dỡ và cho rằng đất đó là của nhà ông nên ông muốn làm gì là quyền của ông.

Do vậy, bà U có yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết các nội dung sau:

- Yêu cầu ông Phùng Văn P phải trả lại con mương thẳng như trước và trả lại cho bà phần đất bị lấn chiếm cụ thể là 32,9m² (diện tích bà cho rằng bị lấn chiếm theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ bổ sung vào ngày 12/5/2022).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Phùng Văn P trình bày:

Từ năm 1996, gia đình ông được bố mẹ để chia cho một khu đất có địa chỉ tại khu vực Sín Cái, nay là khu 1, xã V, huyện N, tỉnh B. Khu đất này vào năm 2000, gia đình ông đã làm các thủ tục xin cấp GCNQSDĐ cho đến ngày 12/12/2002 thì được nhà nước cấp cho GCNQSDĐ số V309380 với diện tích là 162,5m² mục đích đất sử dụng là đất màu, có địa chỉ tại khu vực Sín Cái Khu I, xã V, ranh giới giữa đất của ông P và gia đình bà Lương Thị U là mương nước tự nhiên.

Khoảng năm 2005 Gia đình ông xây con mương thoát nước, lúc đó gia đình bà U không có ý kiến gì, ông khẳng định phần đất kè của con mương mà gia đình ông đã xây lên là phần đất của gia đình ông. NgƯ nhân diện tích đất hiện có ngôi nhà của ông có thay đổi diện tích là do nhà ông trước khi làm nhà đã san ủi phần đất đồi đằng sau để mở rộng diện tích làm nhà, phần đất đồi mà ông san ủi nằm trong thửa đất số 170, tờ bản đồ 41, bản đồ địa chính đo đạc năm 2010, có diện tích 531,1m², đã được cấp GCNQSDĐ ngày 27/12/2013 cho hộ ông Phùng Văn Phục, mục đích sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm, địa chỉ khu đất là Khu 1, xã V, huyện N, tỉnh B (cũng là diện tích đất ông được bố mẹ chia cho).

Nay bà U khởi kiện ông yêu cầu trả lại đất cho bà U diện tích đất nêu trên, ông không đồng ý với yêu cầu này của bà Lương Thị U, ông cho rằng khu đất này đã nằm trong GCNQSDĐ của hộ gia đình ông. Ông P không có yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

- Bà Di Thị B (là vợ của ông Phùng Văn Phục) và anh Phùng Thái Tr (con trai của ông Phùng Văn P và bà Di Thị B) trình bày:

Con mương có nguồn gốc bắt nguồn từ nhà ông Thòong dẫn nước xuống để thoát nước, ở gần mương không có cây xoan và không có đặc điểm nào để xác định mốc con mương, con mương về cơ bản giống như cũ nhưng có rộng hơn một chút. Nhà bà U xây kè và xây con mương trước, sau đó vào năm 2005 thì hai vợ chồng ông P bà B thuê ông Tấn, bà Hoàn, chị Chín và bà Th có địa chỉ Khu Phố, xã V, huyện N xây con mương, gia đình không thay đổi dòng mương, mương có rộng hơn một chút nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu, không biết nhà bà U dựng nhà vào năm bao nhiêu nhưng nhà bà U là nhà gỗ, từ trước tới nay thì nhà bà U vẫn giữ nguyên hiện trạng không thay đổi gì, bà U sử dụng hết diện tích đất, đến mép mương, khi bà U làm nhà thì nhà ông P bà B chưa dựng ở đó, năm 1997 bố mẹ ông P mới chia đất, trước đó ông P bà B có làm vườn trên diện tích đất đó, sau khi làm kè mương vào năm 2005, ông bà vẫn làm vườn, sau đó có làm nhà cho thuê nhưng không nhớ rõ là năm nào làm nhà thuê, tuy nhiên nhà lúc đó chưa rộng như bây giờ, lúc đó cách mép mương khoảng 04 mét. Từ khi gia đình ông bà xây kè cho con mương thì nhà bà U và các hộ khác đều không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm cả bà Di Thị B và anh Phùng Thái Tr đều có quan điểm là khu đất tranh chấp phần đất đằng sau cạnh con mương có diện tích như buổi đo đạc thẩm định tại chỗ mà bà U cho rằng nhà ông P lấn chiếm là không có cơ sở và đề nghị Tòa án căn cứ vào các chứng cứ tài liệu, GCNQSDĐ đã cấp cho các bên để xem xét và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị U. Bà B, anh Tr không có yêu cầu độc lập.

- Chị Nguyễn Thị P1 (con dâu bà U) trình bày:

Chị P1 xác định chị không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến diện tích đất đang có tranh chấp, vì đó là tài sản riêng của ngU đơn bà Lương Thị U là mẹ chồng chị, quyền quyết định là của mẹ chồng chị. Chị P1 đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và không triệu tập chị tham gia các quá trình tiến hành tố tụng. Chị P1 không có yêu cầu độc lập.

- UBND huyện N cung cấp:

****Tại Văn bản số 1267/UBND-TNMT ngày 03/7/2020 của UBND huyện N, tỉnh B:***

Diện tích đất hộ ông Phùng Văn P về hồ sơ địa chính:

Theo sơ đồ thửa đất gia đình kê khai xin cấp giấy chứng nhận năm 2000 diện tích tranh chấp nằm trong GCNQSDĐ số V309380; địa chỉ thửa đất tại Sín Cái, khu 1, xã V, huyện N, tỉnh B với tổng diện tích 162,5m². Có kích thước, ranh giới:

- Phía đông giáp QL3: 12,5m.
- Phía bắc giáp đất ông Phùng Văn Lắm: 17m;
- Phía tây nam giáp nương nước: 8,5m;
- Mục đích sử dụng: Đất màu.
- Nguồn gốc đất: Do ông cha để lại.

Kiểm tra bản đồ địa chính tờ bản đồ số 41 Bản đồ địa chính xã V năm 2010 kết quả cho thấy:

- Thửa đất số 170, địa chỉ khu 1, xã V, huyện N, tỉnh B, diện tích 531,1m² không phải thửa đất đang tranh chấp.

- Thửa đất đang tranh chấp là thửa 171; diện tích 241,0m², địa chỉ tại khu 1, xã V, tờ bản đồ 41 có kích thước, ranh giới:

- + Phía đông giáp quốc lộ 3: 14,5m;
- + Phía bắc giáp đất ông Phùng Văn Lắm: 24,69m;
- + Phía tây nam giáp nương nước: 8,65m;
- + Mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn.
- + Trên bản đồ đứng tên ông Phùng Văn Pchura được cấp đổi GCNQSDĐ.

Diện tích đất của bà Lương Thị U trên các giấy tờ hiện có:

Bản đồ, hồ sơ địa chính xã V năm 2010 tại tờ bản đồ số 41, thửa đất số 188; diện tích 144,4m²; mục đích sử dụng đất ở nông thôn đứng tên bà Lương Thị U khu 1, xã V, huyện N.

- Bản đồ đo đạc, hồ sơ địa chính chỉnh lý năm 2018 tờ bản đồ số 41, thửa đất số 188, diện tích 156,8m², mục đích sử dụng là đất ở nông thôn đứng tên bà Lương Thị U.

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu thửa đất số 188, mục đích sử dụng đất ở nông thôn đứng tên bà Lương Thị U chưa được cấp GCNQSDĐ.

Khu đất tranh chấp thuộc quy hoạch đất theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của UBND huyện N về việc phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Tr tâm xã V, huyện N.

Phần đất hiện nay ông Phùng Văn P đã xây dựng nhà kiên cố thuộc diện phải xin cấp giấy phép xây dựng. Qua kiểm tra tại Phòng kinh tế hạ tầng không có hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng của ông Phục.

****Tại Văn bản số 1178/UBND-TNMT ngày 19/5/2022 của UBND huyện N, tỉnh B:***

1. Việc xác định chính xác chủ quản lý sử dụng diện tích đang tranh chấp sự khác nhau giữa diện tích đất bà U, ông Pqua các bản đồ địa chính:

- Qua kiểm tra, thẩm định tại chỗ giữa các đơn vị liên quan tại khu đất tranh chấp ngày 12/5/2022. UBND huyện xét thấy, hiện tại phần đất đang tranh chấp nằm ở phía trong con mương giáp nhà ông P có diện tích 32m² phần đất này chưa được cấp GCNQSDĐ; theo bản đồ địa chính các năm 2010, 2013 và 2019 thì phần diện tích tranh chấp này thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông P đến nay chưa thay đổi.

- Sự khác nhau về diện tích qua các lần đo đạc bản đồ địa chính:

+ Đối với hộ ông Plà do hộ gia đình tự ý thay đổi diện tích (mức đào vào sau ta luy dương để mở rộng diện tích), một phần do người dẫn đạc, chỉ điểm vị trí không chính xác dẫn tới có sự biến động diện tích.

+ Đối với diện tích đất nhà bà U là do người dẫn đạc, chỉ điểm vị trí không chính xác nên dẫn tới sự biến động diện tích.

2. Tại các thời điểm đo đạc bản đồ địa chính xã V và UBND huyện N không nhận được phản ánh liên quan đến bà Lương Thị U.

3. Theo sơ đồ thửa đất đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002 của ông Phùng Văn P thì việc xác định sơ đồ thửa đất được tính từ tim đường QL3 cách 7,5m; phía chiều rộng mặt đường QL3 được tính từ nhà ông Lằm xuống đến mương dài 12,5m (chiều rộng); phía chiều sâu từ ngoài vào trong dài 17m; phía sau chiều rộng từ nhà ông Lằm xuống giáp mương dài 8,5m (chiều rộng). Qua kiểm tra, thẩm định tại chỗ giữa các đơn vị liên quan thì diện tích tranh chấp có trong GCNQSDĐ số V309380 được xác định là 0,9m². Năm 2002, việc cấp GCNQSDĐ được cấp cho toàn bộ trên địa bàn xã V trong đó có cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Phùng Văn P, việc cấp GCNQSDĐ được thực hiện đúng quy định; tuy nhiên qua tra cứu hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N thì không tìm thấy hồ sơ, chỉ thấy đơn đăng ký quyền sử dụng đất và sơ đồ đất.

- UBND xã V cung cấp:

****Tại Biên bản xác minh ngày 24/3/2020 với Công chức địa chính xã V:***

Diện tích tranh chấp: Phần đằng trước thể hiện là mương thoát nước, phần sau là thửa 171, tờ bản đồ 41 đã kê khai ông Phùng Văn P chưa được cấp đổi GCNQSDĐ theo hiện trạng bản đồ địa chính đo đạc năm 2010 xã V quản lý.

Căn cứ vào hồ sơ ông Phùng Văn P có GCNQSDĐ số V309380, kèm theo 01 đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 05/9/2002 và 01 sơ đồ thửa đất liên quan, đất màu tại sơ đồ thể hiện các cạnh tiếp giáp và các cạnh đo cụ thể: Phía bắc giáp nhà ông Phùng Văn Lằm với chiều dài 17m, phía nam giáp mương nước không thể hiện diện tích cạnh, phía đông giáp QL3 chiều rộng dọc theo QL3 là 12,5m, phía tây giáp mương nước với chiều rộng 8,5m. Người trích đo thửa đất ông Khẩu Văn Ch.

Bà Lương Thị U có giấy nhượng đất ngày 12/5/1995 người giao là ông Đồng Quốc Chấn, người nhận đất là ông Đồng Thanh A không có người làm chứng cũng

nếu chưa được UBND xã xác nhận, trên giấy thể hiện mảnh đất có chiều rộng giáp mặt đường quốc lộ rộng 5,5m, phía giáp nhà ông Chấn là 25m, phía giáp nương là 23m, chiều rộng phía sau giáp taluy 7,5m. Tổng diện tích 157,5m.

***Tại Văn bản số 193/UBND-ĐC, ngày 17/5/2022 của UBND xã V, huyện N, tỉnh B:**

1. Về sự khác nhau về diện tích đất của nhà ông P và nhà bà U:

- Về diện tích đất trong giấy nhượng đất ông Đồng Thanh A (chồng bà U) là 157,5m² và diện tích nộp thuế của bà Lương Thị U là 157m² là do gia đình bà U tự kê khai;

- Về diện tích của gia đình bà U có sự khác nhau giữa bản đồ địa chính năm 2010 (144,4m²) với bản đồ đo đạc chính lý bản đồ địa chính xã V năm 2018 (156,8m²). Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ, diện tích tăng 12,4m² giữa bản đồ đo đạc năm 2010 với năm 2018 là do khi đo đạc vào năm 2018 đã đo chừa lên thửa đất số 170 (phía sau nhà);

- Về diện tích đất của gia đình ông Phùng Văn P không thống nhất và ngày càng mở rộng. Diện tích theo GCNQSDĐ số V309380 là 162,5m² là do gia đình tự kê khai xin cấp năm 2000. Theo bản đồ địa chính xã V đo đạc năm 2010 là 241,0m² và bản đồ đo đạc chính lý bản đồ địa chính xã V đo đạc năm 2018 là 308,5m². Thửa đất chưa được cấp đổi GCNQSDĐ, diện tích đất tăng 67,5m² giữa bản đồ năm 2010 và năm 2018 là do đo đạc năm 2018 đã đo chừa lên con nương cũ và thửa đất phía sau nhà;

2. Về phần đất bên kia nương ông Phùng Văn P đã được cấp GCNQSDĐ diện tích 531,1m², thuộc thửa đất số 170, tờ bản đồ số 41, bản đồ địa chính xã V đo đạc năm 2010.

3. Về diện tích đất của bà Lương Thị U và ông Phùng Văn P trước năm 2005.

- Theo bản đồ địa chính năm 1996 thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 07, diện tích 24.813m² không thể hiện chi tiết từng lô đất, không thể hiện kênh nương;

- Trong sổ sách địa chính xã quản lý lưu trữ năm 2002, trang số 94 có chủ tên sử dụng là ông Phùng Văn Phục, sinh năm 1969, nơi thường trú Khu Phố, xã V, huyện N, tỉnh B, được cấp GCNQSDĐ 162,5m², mục đích sử dụng đất màu, địa danh thửa đất Khu I, theo quyết định số 705/QĐ-UB, ngày 12/12/2002.

4. Khi đo đạc lập bản đồ địa chính, khi công bố bản đồ địa chính, bà U không có ý kiến gì với cơ quan nhà nước.

Người làm chứng

- **Bà Đinh Thị D1 trình bày:** Bà là hàng xóm với hai gia đình bà U và ông Phục, bà không có mâu thuẫn gì với bà U, ông Phục. Thửa đất đang tranh chấp giữa hai hộ có địa chỉ ở Khu 1, nguồn gốc con nương có từ xưa, trước đây con nương chưa xây, hai bên khi chưa xây con nương thì con nương rộng hơn bây giờ. Bà U là người xây con nương trước, diện tích bao nhiêu thì bà không nắm rõ. Hiện tại hai

bên đã xây lên nên bà không biết mương nước có bị thay đổi dòng chảy so với trước kia hay không. Bà không nhớ rõ thời gian hai bên xây con mương nhưng ông P xây sau bà U.

- **Bà Lý Thị S trình bày:** Bà là mẹ đẻ của ông Phùng Văn Phục, nguồn gốc khu đất tranh chấp là do vợ chồng bà cho vợ chồng ông P từ lâu nên bà cũng không nhớ thời gian cụ thể là năm nào (chồng bà là ông Phùng Kim Sliên, sinh năm 1930, đã chết năm 2004). Khu đất vợ chồng bà cho ông P có tên là Sín Cái, địa chỉ hiện nay ở Khu 1, xã V, huyện N, một phần ranh giới đất giáp con mương cạnh nhà ông A, bà U, là chỗ đang tranh chấp. Bà yêu cầu Tòa án không triệu tập bà đến phiên tòa, vì bà tuổi cao, sức đã yếu. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật, vì bà đã cho đất con thì để con bà tự quyết định, bà không can thiệp.

- **Ông Hứa Văn C trình bày:** Ông không có quan hệ họ hàng gì với bà U, ông Phục, không có mâu thuẫn gì. Diện tích đất tranh chấp giữa hai hộ là bao nhiêu ông không nắm rõ, ông cho rằng mương nước hiện nay hẹp hơn so với trước kia, dòng chảy vẫn như trước, các phần gấp khúc vẫn như trước kia. Ông biết ông P được cấp GCNQSDĐ cấp theo dự án, không mất tiền, còn loại đất là loại gì thì ông không biết và diện tích là bao nhiêu tôi không nắm được.

- **Ông Đồng Anh T trình bày:** Ông là hàng xóm với bà U và ông Phục, ông không có mâu thuẫn gì với bà U và ông Phục. Thửa đất tranh chấp ở khu 1, xã V, con mương có từ xưa, trước đây con mương chưa xây, hai bên khi chưa xây con mương thì con mương rộng hơn bây giờ, ông không nắm được diện tích cụ thể của con mương. Ông P là người xây con mương trước, sau đó đất tràn vào nhà bà U nên bà U mới xây kè lên. Nguồn gốc khu đất bà U đang ở là do bố của ông là ông Đồng Phúc Chấn chuyển nhượng đất cho ông Đồng Thanh A là chồng bà U, là đất vườn, sự việc đó chỉ có bố của ông và ông A biết, không có ai làm chứng, khi đó cũng chỉ đo bằng tay, không có máy móc. Con mương nước ở giữa hai hộ được hình thành từ xưa, nhìn từ QL3 vào thì con mương loe từ ngoài vào sau đó chéo sang nhà ông Phục, con mương cong theo hình vòng cung. Mương nước hiện nay đã hẹp hơn trước. Ông không biết diện tích đất mà ông P sử dụng là bao nhiêu, chỉ biết là đất vườn.

- **Ông Khấu Văn Ch trình bày:** Ông là cán bộ địa chính công tác tại xã V từ năm 2000 cho đến năm 2004. Từ năm 2000 ông có được phụ trách đo đạc phân đất và được ký vào sơ đồ cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông Phùng Văn P với diện tích đất là 162,5m². Khi đo đạc để cấp GCNQSDĐ cho ông Phùng Văn P thì đo tại nhà cũ của ông Phục, tính từ tim đường vào cách hành lang giao thông 7,5m là vị trí đo mặt trước. Sau đó kéo dài 17m là chiều sâu. Khi đo đạc có đại diện gia đình ông Phùng Văn P và tổ đo đạc của UBND xã V đi cùng. Phương pháp đo là đo bằng tay. Cây xoan ở ngay mép mương, chỗ điểm của diện tích mà ông Phùng Văn P được cấp GCNQSDĐ là 162,5m². Nhìn từ QL3 vào con mương khi đến cây xoan là gấp khúc sang đằng sau nhà cũ của ông P nhưng hiện nay cây xoan không còn nữa. Con mương lúc đó nhìn từ QL3 vào là hình vòng cung, rộng hơn bây giờ. Hiện tại vị trí gấp khúc đằng sau nằm ngoài vị trí mà ông Phùng Văn P được cấp GCNQSDĐ.

- **Ông Triệu Văn N trình bày:** Ông là hàng xóm với bà U và ông Phục. Vị trí tranh chấp là con mương giữa nhà bà U và ông Phục. Con mương trước đây thẳng và rộng hơn bây giờ. Từ ngoài QL3 nhìn vào trong có 01 cây xoan to ở mép mương là điểm gấp khúc. Con mương gấp khúc sang phía bên phải khi nhìn từ QL3 vào. Ông chỉ biết con mương hình thành từ ngày xưa, không rõ nguồn gốc. Ông Plà người xây con mương trước, sau đó nước tràn sang nhà bà U nên bà U mới xây kè lên để nước không tràn vào nhà.

- **Bà Triệu Thị L trình bày:** Bà là hàng xóm với bà U và ông Phục. Bà không biết nguồn gốc khu đất đang tranh chấp tuy nhiên bà thấy khu đất đang tranh chấp hiện nay có sự biến dạng, con mương giữa nhà bà U và ông P trước kia thẳng, diện tích con mương rộng hơn, hiện nay thì con mương bị cong sang phía nhà bà U nhiều hơn và hẹp hơn trước. Ông Plà người xây con mương trước, sau đó nước tràn vào nhà bà U nên bà U mới xây kè lên chỗ phần đất còn lại để nước không tràn vào nhà. Khu đất tranh chấp trước đó nhìn từ ngoài vào có cây lê, thẳng từ trong ra ngoài. Hiện cây Lê không còn nữa, phần bên trong thì con mương bị chiếm sang phần của bà U làm con mương bị thay đổi dòng chảy.

- **Bà Vũ Thị Th và chị Trần Thái Anh trình bày:** Được xây kè mương cho gia đình ông Phục, bà B vào khoảng năm 2006, khi xây không được làm thay đổi dòng mương, chỉ xây kè theo đường nước chảy.

- **Ông Lý Văn L g trình bày:** Ông không biết và không liên quan gì đến khu đất tranh chấp nên không có gì trình bày với Tòa.

Tại Bản án sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST, ngày 25/5/2022 của TAND huyện Nđã căn cứ vào các Điều 26, Điều 147, Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

TU xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn bà Lương Thị U về việc yêu cầu bị đơn ông Phùng Văn P trả lại diện tích đất tranh chấp là 32,9m² (trong đó có 11,6m² là phần đất thuộc con mương nước thoát nước chung và 22,3m² là đất đã kê khai hộ gia đình ông Phùng Văn P thuộc thửa 171, tờ bản đồ số 41 bản đồ địa chính xã V năm 2018) có địa chỉ tại Khu 1, xã V, huyện N, tỉnh B. (Có sơ đồ kèm theo).

Cụ thể ranh giới như sau:

Ranh giới phần đất tranh chấp giữa hai bên đương sự được xác định theo các đường kẻ nét đứt màu xanh dương, được giới hạn bởi các điểm 12-13-14-21-20-7-23-22-12.

- Cạnh phía đông (điểm 20-21): giáp phần còn lại của mương nước.

- Cạnh phía tây (điểm 12-22-23): giáp phần còn lại của mương nước và đất thửa số 171, tờ bản đồ số 41 bản đồ đo đạc chính lý năm 2018.

- Cạnh phía nam (điểm 12-13-14-21): giáp kè mương của gia đình bà Lương Thị U (thửa số 188, tờ bản đồ 41 bản đồ đo đạc chính lý năm 2018)

- Cạnh phía bắc (điểm 23-7-20): giáp đất thửa số 171, tờ bản đồ số 41 bản đồ đo đạc chính lý năm 2018 và một phần lòng mương.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tU về phần chỉ chỉ xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và tU quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 25/5/2022, bà Lương Thị U kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm bà Lương Thị U giữ ngU nội D1ng kháng cáo và đề nghị bổ sung thêm người làm chứng là bà Nông Thị H, bà Doanh Thị H1, Ông Đồng Minh Châm, ông Chu Thanh Tương và cung cấp bản ảnh thể hiện gia đình bà U giáp với vị trí cật điện.

- Bà Doanh Thị H1trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2022:

Bà H1sinh sống gần khu vực tranh chấp từ năm 1993 đến nay và có thời gian làm trưởng thôn năm 2012, trong thời gian làm trưởng thôn không được dẫn đoàn đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Pvà gia đình bà U.

Trong thời gian làm trưởng thôn không được giải quyết tranh chấp đất giữa bà Lương Thị U và ông Phùng Văn Phục.

Về ranh giới giữa nhà bà U và gia đình ông Plà con mương nước tự nhiên, tuy nhiên con mương có đặc điểm như thế nào thì bà H1không biết, chỉ biết đất của phía ông Plà dầy ruộng kéo dài từ trên xuống thành từng bậc.

- Ông Đồng Minh Châm khai tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2022:

Ông Châm sinh sống tại khu vực tranh chấp từ năm 1983 cho đến nay và có thời gian làm trưởng thôn đến khoảng năm 1996- 1997 thôi không làm trưởng thôn, trong thời gian làm trưởng thôn không được chứng kiến việc mua bán đất giữa ông Đồng Phúc Chấn và ông Đồng Thanh A.

Về đặc điểm tự nhiên giữa hai thửa đất của ông Pvà bà U là mương nước tự nhiên, phía đất của ông Plà khu ruộng, bên trong có một cây Xoan to, nước chảy đến chỗ cây Xoan chảy thẳng ra mương nước hiện nay, tuy nhiên đặc điểm con mương thẳng hay cong như thế nào thì ông Châm không được biết.

- Bà Nông Thị H tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2022 trình bày:

Ranh giới giữa nhà bà U và ông Plà con mương, nhìn từ ngoài vào con mương chạy thẳng đến chân đồi có cây Lê và cây Xoan ở mép mương phía bên nhà bà U như sơ đồ đã nộp cho Toà án.

Tại thời điểm tồn tại mương nước cũ, ông Pchưa làm nhà, đất lúc đó là đất vườn.

Hiện trạng hiện nay có thay đổi nhiều nên bà H không xác định được trên thực địa hiện nay, chỉ biết con mương chạy thẳng và lòng mương rộng hơn bây giờ.

- Ông Chu Thanh Tương tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2022: Ông Chu Thanh Tương làm trưởng thôn tại Khu 1 từ năm 2013 đến nay, ông Tương được biết ranh giới tự nhiên giữa nhà bà U và ông Plà mương nước, tuy nhiên ông Tương không biết đặc điểm của mương nước cong hay thẳng, chỉ biết khi chưa xây thì bờ mương có Lau Sậy.

Tại phiên toà phía Bị đơn khẳng định không thay đổi vị trí mương nước, không lấn chiếm đất của bà Lương Thị U và cung cấp thêm bản ảnh thể hiện vị trí cây Xoan, cung cấp bản ảnh thể hiện các công trình kiên cố của gia đình bà U trên thửa đất và cung cấp tài liệu thể hiện từ năm 1998 đã có tranh chấp giữa hai bên gia đình trong đó vị trí chuồng lợn của gia đình bà U ở trước phía sau nhà bà U đã giáp với con

mường hiện tại nên không có việc gia đình ông Plán đất của bà Lương Thị U (đơn KH1nại đề ngày 05/4/1998).

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án cũng tiến hành thu thập tài liệu về việc thu hồi đất đối với công trình cải tạo nâng cấp quốc lộ 3 đoạn qua huyện N.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đề nghị:

* *Về thủ tục tố tụng:* Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án và của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Về nội D1ng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Lương Thị U, giữ ngU bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DSST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi tU án sơ thẩm ngày 25/5/2022, đến ngày 25/5/2022 bà U kháng cáo, đơn kháng cáo trong thời hạn quy định, hình thức, nội D1ng phù hợp với quy định pháp luật và đã nộp tạm ứng án phí theo quy định nên kháng cáo được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Bà Lương Thị U khởi kiện yêu cầu ông P trả lại phần diện tích 32,9m² đất có tranh chấp, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất là có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết, tư cách đương sự trong vụ án.

[2]. Về nội D1ng vụ án:

[2.1]. Nhận định về nguồn gốc đất của bà Lương Thị U:

- Bà U cho rằng về nguồn gốc đất của bà Lương Thị U có giấy mua bán đất ngày 12/5/1995 có nội D1ng nhận chuyển nhượng đất với ông Đồng Phúc Chấn với diện tích chuyển nhượng là 157,5m², diện tích đất hiện nay có tranh chấp thuộc thửa đất, trong đó chiều tiếp giáp mường nước có chiều dài **23m**, theo lời khai của bà U việc đo đạc được xác định từ điểm cột điện (hiện nay xác định nằm trong mường nước)

Hội đồng xét xử nhận định: bà U thừa nhận việc đo đạc thửa đất được thực hiện bằng biện pháp đo đạc thủ công, như vậy diện tích 157,5m² là diện tích do hai bên tự tính.

+ Hội đồng xét xử căn cứ công văn số: 193/UBND-ĐC, ngày 17/5/2022 của UBND xã V cung cấp thông tin:

" Theo bản đồ địa chính năm 1996 đất của bà Lương Thị U và ông Phùng Văn Đều thuộc thửa số 69 tờ bản đồ số 07 diện tích $24.813m^2$, không thể hiện chi tiết từng lô đất, không thể hiện kênh mương".

+ Căn cứ Biên bản hoà giải tranh chấp đất đai giữa bà Lương Thị U và ông Phùng Văn Plập ngày 16/7/2019 của UBND xã V (BL 20-21) thể hiện thửa đất của bà Lương Thị U là **thửa số 188 tờ bản đồ số 41 Bản đồ địa chính năm 2014 chiều sâu** của gia đình bà U **giáp công** đến hết phần đất của gia đình nhà bà U là **22,26m**, với tổng diện tích $144,4 m^2$

+ Lời khai của Tá Sơn Minh là địa chính xã V tại thời điểm năm 2019 tại thời điểm đo đạc ngày 08/7/2019 khi kiểm tra hiện trạng thửa đất thực tế thửa đất của bà Lương Thị U, chiều sâu tính từ tim đường trở vào **đo từ mép công ngoài** đến hết đất nhà vệ sinh của bà U có chiều sâu là **27,5m**.

Căn cứ lời khai nhận của bà Lương Thị U trong quá trình nhà nước thực hiện dự án cải tạo, mở rộng quốc lộ 3 đoạn qua huyện Năm 2004, gia đình nhà bà U không được bồi thường về đất, khi triển khai dự án phần mương nước được cải tạo lùi vào lề đường gần 1m và hiện nay vị trí cột điện còn dấu tích ở vị trí trong mương thoát nước.

Lời trình bày của bà Lương Thị U phù hợp với Biên bản xác minh tại Phòng tài ngU và môi trường huyện Ngày 07/9/2022 liên quan đến phần diện tích đất bị thu hồi khi mở ruộng quốc lộ 3 theo các Quyết định số: 2333/QĐ-UB, ngày 23/10/2003 và Quyết định số: 1276/QĐ-UB, ngày 23/7/2004 của UBND huyện N thể hiện.

"*Thửa đất của ông Đồng Thanh A (là chồng của bà Lương Thị U) không được đền bù về đất*".

Hội đồng xét xử căn cứ kết quả xem xét thẩm định của Toà án nhân dân huyện Ndo đạc ngày 12/5/2022 phần tiếp giáp mương nước tính từ điểm 14 đến điểm 17 đã có chiều dài: 20,32m.

Như vậy việc bà Lương Thị U yêu cầu công nhận có quyền sử dụng đất phần diện tích $32,9m^2$ tranh chấp được xác định bởi các điểm 12-13-14-21-20-7-23-22-12 là không có cơ sở.

Mặt khác trên cơ sở các bản đồ quản lý của Nhà nước đối với thửa đất của bà Lương Thị U thể hiện là thửa số 188 tờ bản đồ số 41 Bản đồ địa chính năm 2010 diện tích $144,4m^2$, thửa đất này thể hiện trên bản đồ cách tim đường là 10m và đến bản đồ địa chính năm 2018 thể hiện phần diện tích của bà Lương Thị U là $156,8m^2$.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ của Toà án cấp sơ thẩm xác định phần diện tích tranh chấp $32,9m^2$ như vậy nếu tính cả phần diện tích này thì phần diện tích đất của bà U là $183,5m^2$ không phù hợp với các bản đồ thể hiện thửa đất của bà U.

[2.2]. Xét về nguồn gốc đất của ông Phùng Văn Phục:

- Ông Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích $162,5m^2$ không thể hiện số thửa, số tờ bản đồ, cấp ngày 12/12/2002.

Theo hồ sơ kê khai cấp đất năm 2002 thể hiện phần tiếp giáp ông Phùng Văn Lâm: 17m.

Căn cứ công văn số: 1178/UBND-TNMT, ngày 19/5/2022 của UBND huyện N(BL 193-194) cung cấp thông tin: "3. Theo sơ đồ thửa đất đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phùng Văn Pthì việc xác định sơ đồ thửa đất được tính từ tim đường QL 3 cách 7,5m...".

+ Căn cứ biên bản hoà giải ngày 16/7/2019 do UBND xã V lập thể hiện thửa đất của ông Plà thửa số 171 bản đồ địa chính số 41 đo đạc năm 2014, diện tích 241,0m², chiều sâu tính từ phần đất nhà ông Pgiáp công đến hết phần đất của gia đình sử dụng là 23,06m.

+ Căn cứ Bản đồ địa chính năm 2013 thể hiện thửa đất của ông Plà thửa số 171 tờ bản đồ số 41 diện tích 241m².

+ Bản đồ địa chính năm 2018 thể hiện là thửa số 171 diện tích 308,5m² theo công văn số 1178/UBND-TNMT, ngày 19/5/2022 của UBND huyện Nđã cung cấp phần diện tích tăng thêm là do gia đình ông P**tự ý thay đổi ranh giới mức vào tả ly dương để mở rộng diện tích, một phần do người dẫn đạc, chỉ điểm vị trí không chính xác dẫn đến có sự biến động về diện tích**".

- Tại công văn số: 1178/UBND-TNMT, ngày 19/5/2022 của UBND huyện N xác định " *phần diện tích tranh chấp 32m² nằm ở phía nương giáp nhà ông Phục, diện tích 32m² phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo bản đồ địa chính các năm 2009, 2013, 2019 thì phần diện tích tranh chấp này thuộc quyền quản lý của ông Pđến nay chưa thay đổi*".

Hội đồng xét xử căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai của ông Pcó căn cứ khẳng định đối với đất tranh chấp ông Pquản lý ổn định, liên tục.

[2.3]. Về quá trình quản lý đối với đất tranh chấp: Phía ông Ptrình bày năm 2005 khi cải tạo nương nước, không thay đổi ranh giới của thửa đất và việc xây dựng nương nước diễn ra trong thời gian khoảng 01 tháng, phía gia đình bà U đều biết và không có tranh chấp.

Gia đình bà U cho rằng trong năm 2005, khi gia đình bà U có việc trong miền Nam đi vắng, gia đình ông Pđã thay đổi dòng chảy nương nước và sau đó gia đình bà U có yêu cầu KH1nại đến UBND xã V nhưng gia đình bà U không đưa ra được các căn cứ chứng minh và bà U cũng không đưa ra được các căn cứ để xác định được vị trí con nương nước đã bị thay đổi trước năm 2005.

Trong quá trình quản lý đến năm 2008, bà U cũng xây dựng bờ nương kiên cố.

Gia đình ông Pxây nhà kiên cố trong đó có một phần nhà trên đất tranh chấp, bà U cũng không có tranh chấp.

Đến năm 2018 khi hai bên có tranh chấp với lý do phía gia đình ông Pđã **xây nắp cống bằng bê tông lấn chiếm không gian của rãnh thoát nước chung** (Biên bản kiểm tra rãnh thoát nước theo yêu cầu của bà Lương Thị U ngày 12/3/2018 (BL 72), do đó bà U yêu cầu ông Pphải dỡ bỏ phần công trình này, như vậy tại đến thời điểm năm 2018 hai bên chưa có tranh chấp liên quan đến phần đất này.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án huyện Nđã yêu cầu UBND xã V và UBND huyện N xác định vị trí nương nước trước năm 2005, tuy nhiên trên các bản đồ trước năm 2005 đều không thể hiện đặc điểm của nương nước.

Đến các bản đồ địa chính năm 2013, bản đồ địa chính năm 2018 thể hiện nương nước như kết quả xem xét thẩm định đã được Toà án nhân dân huyện Xem xét thẩm định ngày 12/5/2022.

Hội đồng xét xử nhận định: Diện tích tranh chấp trong đó có 32m², phần diện tích này bà U và ông Pđều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phía bà U cho rằng đất của tranh chấp của bà U nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ, phần đất tranh chấp thuộc về phía bờ nương gia đình ông Pdo gia đình ông Pquản lý ít nhất là từ năm 2005 đến năm 2019 mới phát sinh tranh chấp, trong quá trình quản lý gia đình ông Pđã xây dựng nhà, đã xây kè, quản lý ổn định và gia đình bà U cũng xây kè quản lý phần đất của bà U, do đó Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định gia đình bà U và gia đình ông Pđã xác định ranh giới hai thửa đất là nương nước đã được xây dựng cố định, ổn định từ năm 2005.

[2.4]. Về lời khai của những người làm chứng: trong quá trình giải quyết vụ án, phía bà Lương Thị U cung cấp lời khai của những người làm chứng và Toà án các cấp đã tiến hành xác minh, những người làm chứng chỉ xác định được nương nước là ranh giới chung giữa hai nhà nhưng cụ thể nương nước có đặc điểm, vị trí thay đổi dòng chảy và đi qua các địa hình như thế nào thì những người làm chứng đều không xác định được.

Căn cứ lời khai của những người làm chứng là ông Đồng Minh Châm, bà Nông Thị H, ông Chu Thanh Tương, bà Doanh Thị Hlà đều khẳng định giữa gia đình bà U và ông Pcó nương nước và bà H có xác định phần đất của bà U có cây Xoan làm mốc giới và từ vị trí đó nước chảy thẳng đến quốc lộ 3 nhưng hiện nay do thay đổi hiện trạng nên không xác định được các mốc giới trên thực địa.

Những người làm chứng đều xác định trước khi thay đổi hiện trạng thì phía đất của gia đình ông Plà ruộng.

Từ các căn cứ trên Hội đồng xét xử nhận định: Phần diện tích tranh chấp trong đó có 32m² các bên đương sự đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vị trí đất tranh chấp nằm ở phía nương nước do ông Pquản lý, giữa thửa đất của bà U và ông Plà nương nước đã được các bên xây kè quản lý ổn định, ông Pđã xây nhà kiên cố trên một phần diện tích đất tranh chấp.

Toà án cấp sơ thẩm đã thu thập, đánh giá đầy đủ chứng cứ và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị U là có cơ sở, đúng quy định pháp luật, tại phiên toà phúc thẩm bà U không đưa ra được các căn cứ chứng minh, do vậy không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị U giữa ngU bản án sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST, ngày 25/5/2022 của Toà án huyện N.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị U giữa ngU bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Lương Thị U không được chấp nhận do vậy bà Lương Thị U phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 28 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị U: Giữ ngU bản án sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST, ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh B.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Lương Thị U phải chịu án phí phúc thẩm với số tiền: 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000315 - ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tU án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- TAND huyện N
- Các đương sự
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu HS;
- Lưu VP;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hữu Truyền